TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 868/2018/HNST
Ngày: 29/6/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh.

2. Bà Lê Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh - 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 535/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 6 tháng 2 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 1174/2018/QĐST-DS ngày 01/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Bà Kiều Nhã V, sinh năm 1988;
Nơi cư trú: 11/2 KP Tây A, Phường Đông H, huyện Dĩ A, tỉnh B (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1987;
Nơi cư trú: 21C Bergsgatan, 37434 , Thụy Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2018 và các lời khai, nguyên đơn bà Kiều Nhã V trình bày:

Bà và ông Trần Trung T tự nguyện đăng ký kết hôn số 141/2015 quyển 01/2015 ngày 11/11/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, ông T đi làm hợp tác lao động ở Thụy Điển. Vì khoảng cách địa lý vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Khi sống xa nhau đôi bên không còn sự quan tâm, chăm sóc và bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn trầm trọng. Bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt, xin được ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Kiều Nhã V ký đơn yêu cầu được ly hôn. Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 quy định: "Vợ chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn". Ông Trần Trung T đang cư trú ở Thụy Điển. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Xét yêu cầu của nguyên đơn: bà Kiều Nhã V và ông Trần Trung T có đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo bà mâu thuẫn vợ chồng do cuộc sống chung không hạnh phúc. Từ khi ông Trần Trung T hợp tác lao động ở Thụy Điển, cả hai đã không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý. Bà Vy xác định tình cảm không còn, xin được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc Toà án thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ nhưng ông Trần Trung T không có văn bản trả lời.

Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 535/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2018, thông báo thời gian mở phiên toà là ngày 01/3/2018. Quyết định đưa vụ án ra xét xử này đã được thông báo trong văn bản ủy thác tư pháp cho ông Trần Trung T nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà lần thứ 1 theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định thời hạn mở phiên toà lần thứ hai là ngày 29/6/2018. Đồng thời có văn bản số 941/TATP-TGĐVNCTN ngày 05/3/2018 gửi Bộ Tư pháp yêu cầu thông báo về kết quả uỷ thác. Sau đó, ông T có về Việt Nam và đã đến Toà có bản tự khai đồng ý ly hôn với bà Kiều Nhã V và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành đúng trình tự quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy, cuộc sống chung của bà và ông T không hạnh phúc, cả hai thực tế đã không chung sống từ năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T đã về nước và có văn bản nêu ý kiến đồng ý ly hôn với bà Kiều Nhã vì cả hai bên không còn tình cảm, không thể hàn gắn. Đây là cơ sở để xác định cuộc sống chung giữa bà V và ông T không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ khoản 1 Điều 122, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kiều Nhã như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 08 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực, bà phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Căn cứ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 1 Điều 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ Điều 48 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ khoản 1, Mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Kiều Nhã Vy

a) Về quan hệ hôn nhân: bà Kiều Nhã được ly hôn với ông Trần Trung T chứng nhận kết hôn số 141/2015 quyển 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường Long Bình, Quận 9 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/11/2015 không còn giá trị pháp lý.

b) Về con chung: Không có

c) Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: bà Kiều Nhã V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0033846 ngày 28/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kiều Nhã V đã nộp đủ án phí.

3. Các quyền và nghĩa vụ về việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bà Kiều Nhã V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản bán được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Trần Trung T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Bình, Quận 9;
- Lưu: VT, HS (T/16).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Điệp